



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG IV/2015**



HÀ NỘI, THÁNG V/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>

MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IV/2015	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
3. Vùng Đông Bắc.....	6
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	10
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IV/2015	14
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	17
3. Tình hình sâu bệnh	18
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI, VII/2015.....	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	20
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IV/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IV/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN từ 20mm đến 110mm ngoại trừ khu vực Trung Trung Bộ, lượng mưa cao hơn TBNN từ 50mm đến 150mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -90 giờ đến 60 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -10% đến -2%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IV/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

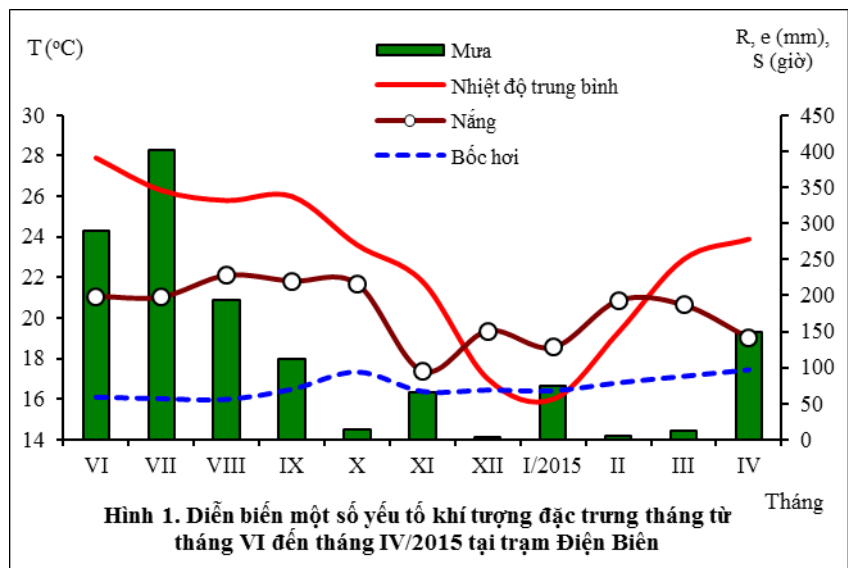
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,4$ đến $1,4^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $18,1^{\circ}\text{C}$ đến $25,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $14,6^{\circ}\text{C}$ đến $21,9^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $9,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/IV tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $23,0^{\circ}\text{C}$ đến $33,5^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $40,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 19/IV tại Mai Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI/2014 đến tháng IV/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IV/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10mm đến -80mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Điện Biên

trong khoảng từ 30mm đến 180mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất là 74mm vào ngày 10/IV tại Mường Tè.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 17 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 21 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến tháng IV/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IV/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 10 giờ đến 50 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 120 giờ đến 250 giờ, (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2015 dao động từ 66% đến 82%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -9% đến -3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 16% xảy ra vào ngày 01/IV tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IV/2015 có giá trị phổ biến từ 61mm đến 190mm. Lượng bốc hơi tháng ở các vùng thuộc phía Tây của khu vực thấp hơn lượng mưa từ 20mm đến 100mm. Các vùng ở phía Đông khu vực cao hơn lượng mưa 30mm đến 130mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4 - 13mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 14 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 8 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 17 ngày;

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IV/2015 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,4^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $17,1^{\circ}\text{C}$ đến $25,1^{\circ}\text{C}$;

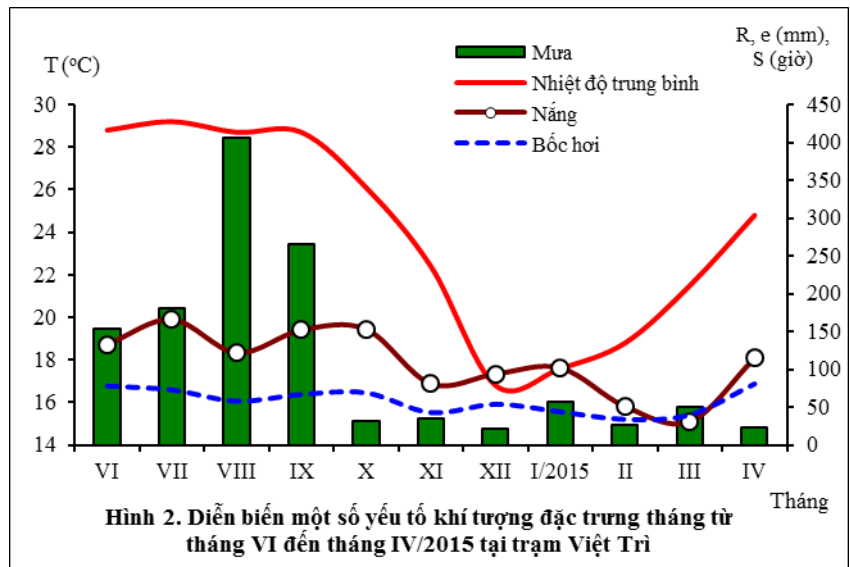
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $14,4^{\circ}\text{C}$ đến $22,2^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $8,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/IV tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $20,9^{\circ}\text{C}$ đến $30,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ

không khí cao nhất là 38,7⁰C xảy ra vào ngày 20/IV tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 23mm đến 165mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN từ (-110mm đến -20mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2014 đến



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Việt Trì

tháng IV/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 48mm, cao nhất là 53mm xảy ra vào ngày 10/IV tại Phú Hộ. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 5 - 17 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 108 giờ đến 188 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 46 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2015 phổ biến từ 76 đến 85%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10% đến -2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20%, xảy ra vào ngày 13/IV tại Thái Nguyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 58mm đến 146mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-60mm đến 60mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4mm đến 9mm, cao nhất là 16mm, xảy ra vào ngày 02/IV tại Sa Pa.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở nhiều nơi từ 1 - 5 ngày trong đó có những vùng có từ 1 - 3 ngày cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 12 ngày;

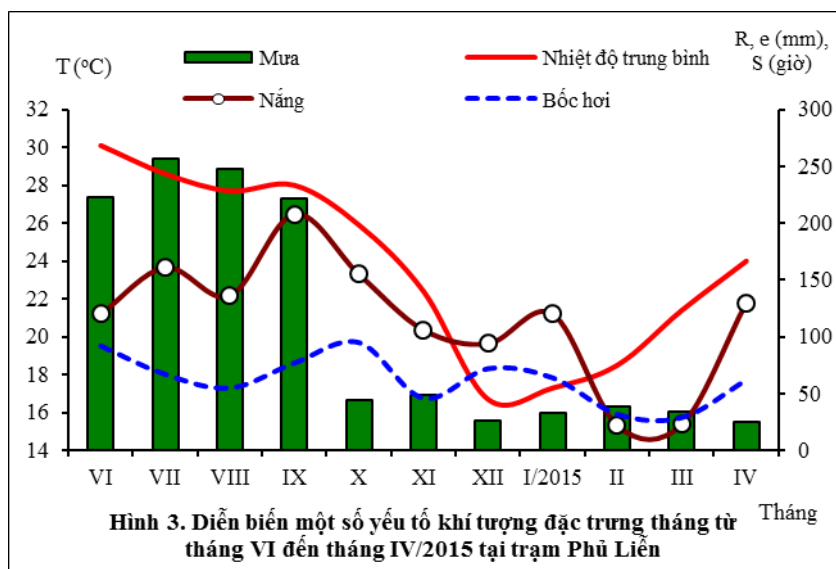
- Mưa phùn xuất hiện 4 ngày duy nhất ở Hà Giang.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,4 đến 1,4⁰C); có giá trị dao động từ 22,0⁰C đến 25,2⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 26,9⁰C đến 31,5⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,4⁰C xảy ra vào ngày 19/IV tại Bảo Lạc.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,2⁰C đến 22,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,1⁰C xảy ra vào ngày 13/IV tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IV/2015 dao động phổ biến từ 11mm đến 93mm, phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ (-100mm đến -40mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 7 đến 43mm, cao nhất là 91mm xảy ra vào ngày 22/IV tại Bạch Long Vĩ.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 9 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IV/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (30 giờ đến 60 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 73 giờ đến 196 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 73 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-9% đến -1%); giá

trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19% xảy ra vào ngày 13/IV tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 58mm đến 135mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-110mm đến -30mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 10mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 9 ngày, trong đó có 1-3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày;

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 23,9⁰C đến 25,4⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,9⁰C đến 1,7⁰C) (hình 10);

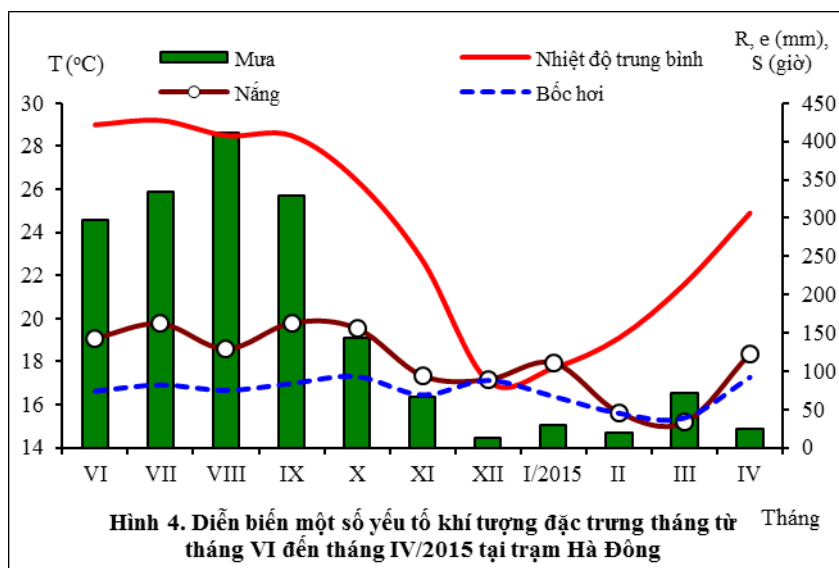
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,3⁰C đến 29,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,3⁰C xảy ra vào ngày 20/IV tại Vĩnh Yên;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 21,5⁰C đến 23,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,2⁰C xảy ra vào ngày 23/IV tại Văn Lý. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-80mm đến -50mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 11mm đến 42mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9 đến 22mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày; số



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Hà Đông

ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 114 giờ đến 141 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 20 giờ đến 50 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 60% đến 89% , phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-29% đến -2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 03/IV tại Bắc Ninh.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 45mm đến 92mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 20mm đến 60mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 4 ngày;

- Gió tây khô nóng xuất hiện 1-2 ngày ở một số nơi với cường độ nhẹ.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

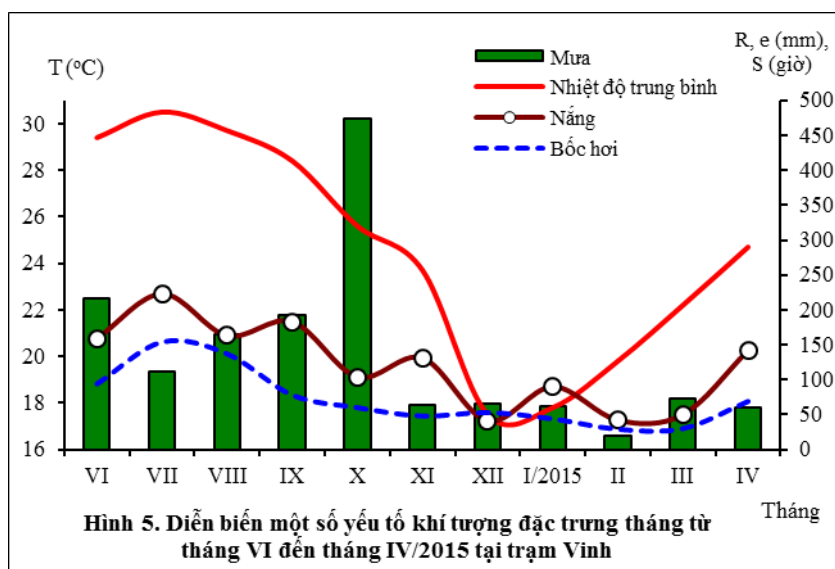
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3⁰C đến 1,0⁰C (hình 10) và có giá trị từ 23,3⁰C đến 25,6⁰C .

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,3⁰C đến 32,8⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là

41,7⁰C xảy ra vào ngày 19/IV tại Tương Dương.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,1⁰C đến 22,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,5⁰C xảy ra vào ngày 14/IV tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Vinh

- Trong tháng IV/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 11mm đến 103mm, cao nhất là 185mm tại Kỳ Anh. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-50mm đến 100mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất là 125mm, xảy ra vào ngày 24/IV tại Kỳ Anh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 118 giờ đến 172 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -20 giờ đến 35 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 21% xảy ra vào ngày 13/IV tại Hội Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 35mm đến 90mm, cao nhất là 111mm tại Tương Dương; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-80mm đến 110mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 13 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 7 ngày;

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2015 từ 22,8⁰C đến 26,8⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,5⁰C đến 32,9⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,7⁰C xảy ra vào ngày 20/IV tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,2⁰C đến 24,9⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 12,9⁰C xảy ra vào ngày 13/IV tại A Lưới.

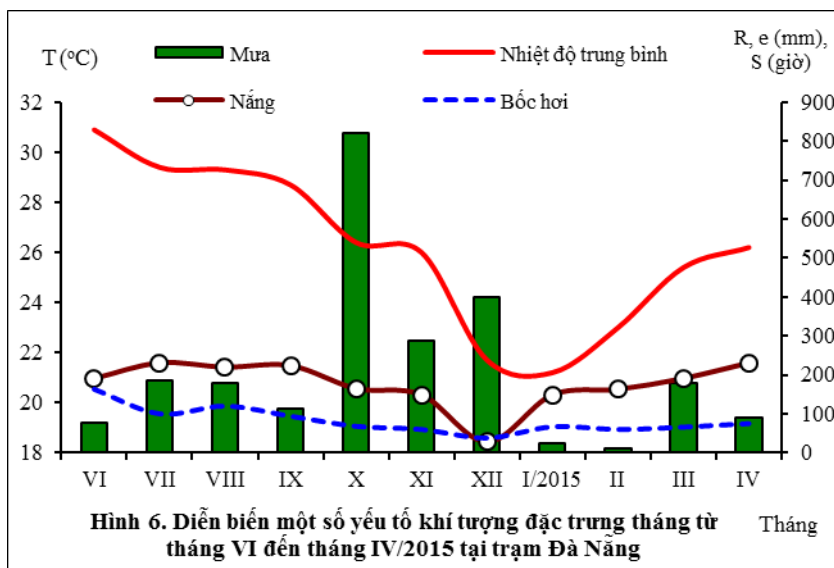
6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IV/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 20mm đến 200mm, cao nhất là 236mm tại A Lưới. Ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN 30mm đến 150mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ

biến từ 9 đến 100mm, cao nhất là 133mm xảy ra vào ngày 23/IV tại Đồng Hới.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Đà Nẵng

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 149 giờ đến 271 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 40 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 19/IV tại Đồng Hới và Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 47mm đến 80mm, cao nhất là 125mm tại Khe Sanh. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 11mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-80mm đến 134mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 7 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 11 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

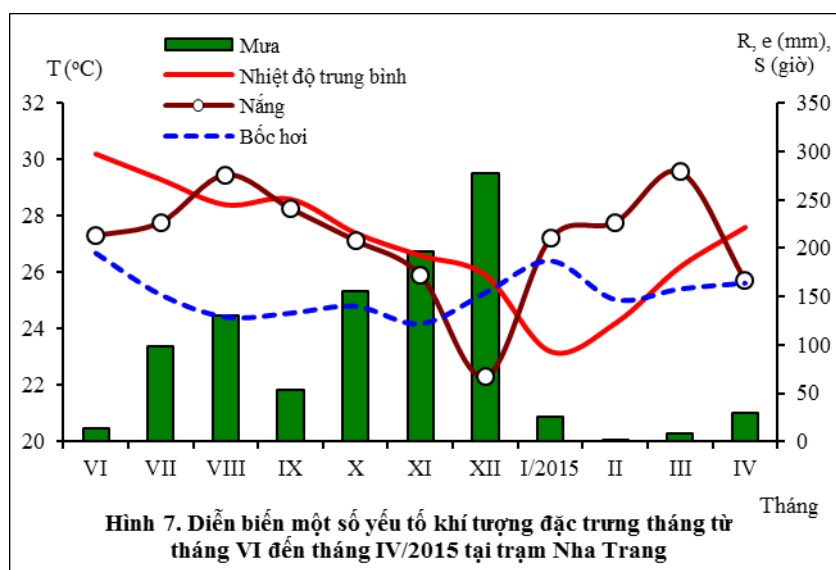
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2015 từ 26,6⁰C đến 29,7⁰C, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,9⁰C đến 33,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,7⁰C xảy ra vào ngày 20/IV tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1⁰C đến 27,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,3⁰C, xảy ra vào ngày 15/IV tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IV/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 4mm đến 45mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ 30mm đến 50mm. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4mm đến 44mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 7 đến 30 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 167 giờ đến 308 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-90 giờ đến 35 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 70% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ 3 - 4% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 39% xảy ra vào ngày 09/IV tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 190mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 12mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao

hơn giá trị lượng mưa (20mm đến 130mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất ở Tuy Hòa với số ngày có gió tây khô nóng là 3 ngày với cường độ nhẹ;

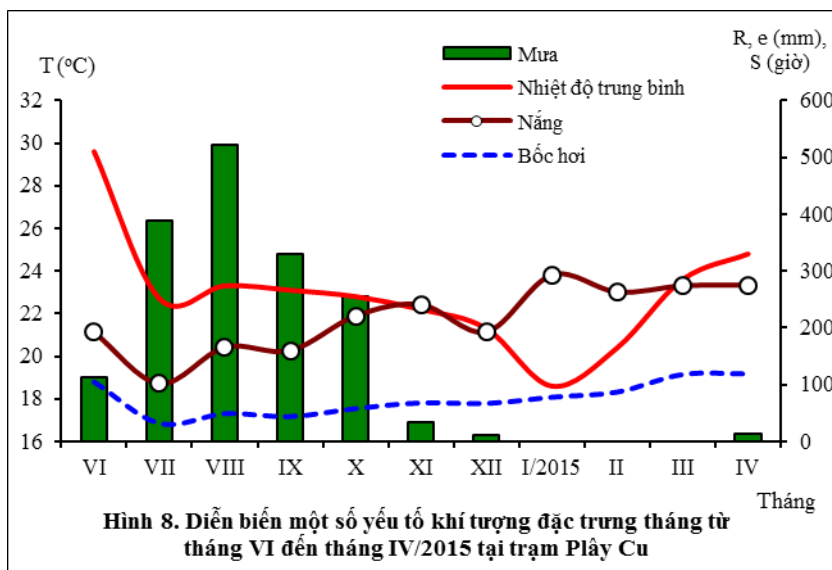
- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 2 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2015 từ 18,9⁰C đến 29,0⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5⁰C đến 1,2⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,6⁰C đến 36,3⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,2⁰C xảy ra vào ngày 30/IV tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,7⁰C đến 23,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,0⁰C xảy ra vào ngày 15/IV tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IV/2015 dao động từ 1mm đến 162mm. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -120mm đến -30mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 52mm, Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 1 đến 15 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 25 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2015 phổ biến từ 195 giờ đến 286 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN một ít (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -7% đến -2%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 65% đến 82%; độ ẩm không khí thấp nhất là 14% xảy ra vào ngày 15/IV tại Đắk Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 55mm đến 165mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng dao động quanh giá trị lượng mưa (-150mm đến 100mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 24 ngày, trong đó có từ 1-7 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 15 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2015 từ 27,4⁰C đến 29,5⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,2⁰C đến 1,6⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,8⁰C đến 35,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,2⁰C xảy ra vào ngày 08/IV tại Biên Hòa.

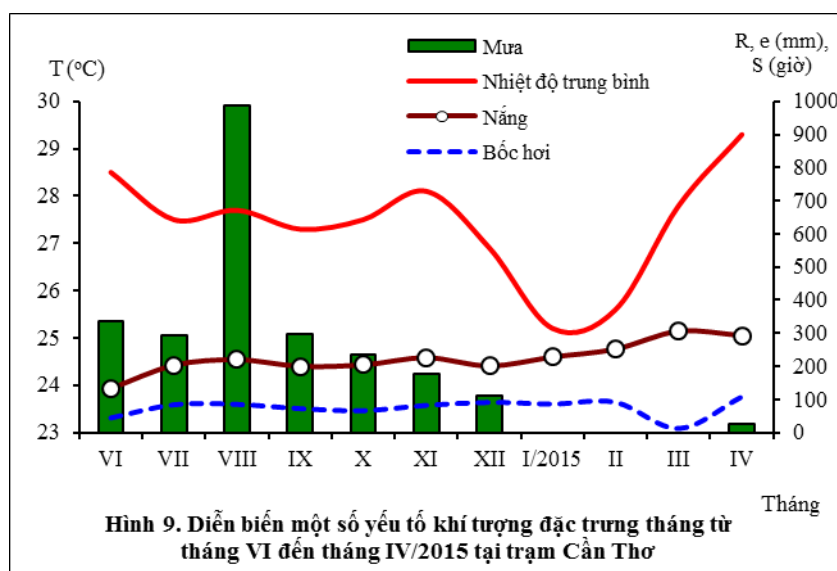
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,5⁰C đến 27,0⁰C giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,0⁰C xảy ra vào ngày 8/IV tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IV/2015 dao động phổ biến từ 2mm đến 138mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-100mm đến 100mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 1mm đến 64mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 7 ngày; số ngày không mưa



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng IV/2015 tại trạm Cần Thơ

liên tục phổ biến từ 5 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2015 phổ biến từ 239 giờ đến 305 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 60 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 68% đến 80%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 3%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 8/IV tại Biên Hòa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 11mm đến 165mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng 30mm đến 125mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 26 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 10 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IV/2015

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng với nhiệt độ cao, nắng nhiều, nhìn chung thuận lợi đối với sinh trưởng và phát triển của lúa cũng như các hoạt động chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau, màu vụ đông xuân ở miền Bắc.

Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh lúa đông xuân, xuống giống lúa hè thu trong điều kiện thời tiết khô nóng.

Phân bố mưa không đồng đều trên các vùng trong cả nước; vẫn còn hạn cục bộ; đông và mưa đá xảy ra ở một số địa phương là những ảnh hưởng bất lợi trong tháng này.

1. Đối với cây lúa

+ Các tỉnh miền Bắc:

Hoạt động trọng tâm trong tháng của các địa phương miền Bắc là tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau, màu vụ đông xuân. Tổng diện tích gieo cấy lúa đông xuân niên Bắc vụ này đạt hơn 1.190 ngàn ha, tăng hơn 40 ngàn ha so với vụ trước. Hiện phần lớn diện tích tại các

tỉnh Bắc bộ, lúa đang trong thời kỳ đứng cái, làm đòng và trổ; tại khu vực miền Trung, lúa bắt đầu trổ bông, một số diện tích chuyển phơi màu.

Nhìn chung, lúa đông xuân sau khi các địa phương hoàn thành chăm sóc đợt 1 và tập trung chăm sóc đợt 2, đang sinh trưởng và phát triển khá tốt. Các cơ quan chức năng thuộc ngành Nông nghiệp đang tích cực chỉ đạo, hướng dẫn nông dân chăm sóc cho từng trà lúa; theo dõi, phát hiện phòng trừ sâu bệnh kịp thời; tiến hành phân loại lúa để làm cơ sở ước tính sớm năng suất, sản lượng. Điều đáng quan tâm hiện nay là sâu bệnh đang có chiều hướng phát sinh trên diện rộng và lây lan nhanh. Riêng bệnh đạo ôn đã phát sinh trên hơn 50 ngàn ha lúa ở hầu hết các tỉnh thuộc địa bàn miền Bắc, diện tích nhiễm tăng khá nhiều so với cùng kỳ năm trước và đã gây mất trắng cục bộ tại một số địa phương như Ninh Bình (5,2 ha), Hà Tĩnh (0,3 ha),...Ngoài ra, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh khô vằn cũng đang lây nhiễm trên hàng chục ngàn ha và diện tích nhiễm đều tăng so với cùng kỳ này năm trước

Nhìn chung, lúa đông xuân trên các vùng đều sinh trưởng và phát triển khá tốt trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Tại các địa phương phía Bắc, một số cơn mưa đầu mùa đem nước tưới đến những chân ruộng cao, hạn chế phần nào tình trạng khô hạn. Đến nay, lúa đông xuân đang phát triển và sinh trưởng tốt, trà lúa sớm đang giai đoạn làm đòng, trà trung đang giai đoạn cuối đẻ nhánh, trà xuân muộn đang đẻ nhánh rộ. Các công ty thủy lợi tiếp tục phối hợp với các địa phương thực hiện bơm nước, điều tiết đảm bảo đủ nước tưới dưỡng cho lúa sinh trưởng và phát triển

+ Các tỉnh miền Nam:

Trong tháng các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh lúa đông xuân, xuống giống lúa hè thu trong thời tiết khô nóng, chuyển hoạt động trọng tâm sang xuống giống vụ lúa hè thu. Tính đến cuối tháng, các tỉnh miền Nam đã thu hoạch đạt gần 1,65 triệu ha lúa đông xuân, chiếm 84,7% diện tích xuống giống và nhanh hơn 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL đã cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân, đạt gần 1,5 triệu ha với tốc độ thu hoạch nhanh hơn cùng kỳ năm trước 5,2%.

Qua đánh giá sơ bộ kết quả thu hoạch lúa đông xuân của các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cho biết đều được mùa, năng suất không thua kém vụ đông xuân trước nhiều. Tính bình quân trên diện tích lúa đã cho thu hoạch toàn miền Nam năng suất bình quân đạt 68,7 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha so với vụ trước; sản lượng trên diện tích đã thu hoạch ước đạt hơn 11,3 triệu tấn. Riêng vùng ĐBSCL, năng suất bình quân trên diện tích thu hoạch ước đạt 70,4 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha, sản lượng đạt gần 10,4 triệu tấn. Tại các địa bàn có diện tích lúa đông xuân lớn như: Kiên Giang, Hậu Giang, An Giang, Cần Thơ,... đều đạt năng suất cao, bình quân từ 71,5 đến 76,3 tạ/ha. Nhờ thu hoạch nhanh lúa đông xuân, các địa phương miền Nam đã sớm chuyển trọng tâm sang xuống giống lúa hè thu.

Tính đến cuối tháng 4, diện tích xuống giống lúa hè thu đã đạt 564,2 ngàn ha, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước; gần 95% diện tích xuống giống lúa hè thu tập trung chủ yếu ở vùng ĐBSCL

Tuy những ngày đầu tháng Tư, trên địa bàn một số tỉnh Vùng Tây Nguyên có mưa nhưng chỉ là những cơn mưa rải rác, cục bộ một số vùng, góp phần làm tăng độ ẩm cho đất và không khí nhưng vẫn chưa cứu vãn được tình hình hạn hán đang diễn ra tại đây. Tính đến nay nhiều hồ, đập nhỏ và vừa có mực nước xuống thấp gần mực nước chết. Hầu hết các suối nhỏ đã cạn, suối lớn lượng dòng chảy rất hạn chế, mực nước các sông xuống quá thấp, lượng nước ngầm suy giảm mạnh gây khó khăn cho công tác chống hạn. Tính đến cuối tháng, hơn 44 nghìn ha cây trồng đang bị hạn nặng, trong đó 2,3 nghìn ha đã mất trắng; hàng chục ngàn hộ dân bị thiếu nước sinh hoạt, có vùng dân không còn nước giếng, phải đi lấy nước từ khe núi để phục vụ sinh hoạt. Tình trạng khô hạn chưa có dấu hiệu thuyên giảm và còn tiếp tục diễn biến phức tạp, nguồn nước chống hạn ngày càng khó khăn, số hộ dân bị thiếu nước và diện tích cây trồng bị khô hạn có thể còn tăng thêm trong thời gian tới

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IV/2015

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	
2		Điện Biên	Lúa chiêm ngâm sữa	TB	3cm	
3		Văn Chấn				
4		Tuyên Quang				
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa chiêm trở bông	Khá	3cm	
		Lạng Sơn	Ngô lá thứ 7	TB	TB	
			Lúa xuân bén rễ hồi xanh	TB	3cm	
		Bắc Giang				
	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ				
		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	Phồng lá ĐĐ nặng(31-40%)
	Đồng bằng	Hà Đông	Lúa xuân trở bông	TB	4cm	
		Hoài Đức	Lạc nở hoa	Khá	ẩm	

	Sông Hồng		Ngô nở hoa	Khá	ấm	
			Cam	kém	ấm	
		Hưng Yên	Lúa xuân mọc dón	Khá	3cm	
		Nam Định	Lúa chiêm trở bông	Khá	3cm	
		Ninh Bình	Lúa xuân mọc dón	TB	3cm	
		Thái Bình	Lúa xuân mọc dón	Khá	4cm	
	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành củ	TB	TB	
			Đậu t-ong quả chín	TB	TB	
		Thanh Hoá	Lúa chiêm trở bông	Khá	4cm	
		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm ngâm sữa	Khá	10cm	
		Đô Lương	Lúa xuân ngâm sữa	TB	3cm	
	Trung Trung Bộ	Huế				
	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
		An Nhơn	Chuyển vụ			
	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê đâm chồi	Tốt	TB	
	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ấm	
		Trà Nóc	Lúa xuân hè mọc dón	TB	3cm	
		Mỹ Tho	Lúa xuân chắc xanh	TB	3cm	
		Bạc Liêu				

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thống kê tính đến ngày cuối tháng, cả nước đã gieo trồng đạt hơn 760 ngàn ha cây màu lương thực, tăng nhẹ so cùng kỳ năm trước. Trong đó, cây ngô đạt gần 475 ngàn ha, tăng so cùng kỳ 0,3%; khoai lang đạt 85 ngàn ha, bằng 97,6%; sắn đạt 185 ngàn ha, bằng cùng kì năm trước. Cây công nghiệp ngắn ngày đạt tổng diện tích gần 355 ngàn ha, bằng 98,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích đậu tương đạt 62,4 ngàn ha, tăng 0,1%; lạc đạt gần 147 ngàn ha, bằng 95,1%; mía đạt 101 ngàn ha, bằng 98,9%; thuốc lá đạt 18,4 ngàn ha, bằng 85,7%. Gieo trồng rau, đậu các loại đạt 520,6 ngàn ha, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước.

Chè lớn nảy chồi ở Mộc Châu, Ba Vì, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Ngô đang trong kỳ lá thứ 7 ở Lạng Sơn, sinh trưởng trung bình.

Tại Hoài Đức ngô và lạc nở hoa, sinh trưởng khá. Tại Yên Định lạc hình thành củ, đậu tương quả chín; sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Ở Tây Nguyên cà phê đâm chồi, sinh trưởng tốt, đất ẩm trung bình. Cà phê Xuân Lộc hình thành quả, trạng thái sinh trưởng trung bình, đất ẩm.

Đông lốc và mưa đá xảy ra vào cuối tháng IV và đầu tháng năm tại Lào Cai, Cao Bằng, Gia Lai, Đà Lạt... cũng đã gây thiệt hại cho hoa màu và cây công nghiệp.

3. Tình hình sâu bệnh

Trong tháng các đối tượng dịch hại trên lúa có chiều hướng tăng trên một số loài nhưng vẫn ở trong phạm vi có thể khống chế, chưa phát sinh thành dịch. Cụ thể như sau:

- *Bệnh đạo ôn lá*: Gây hại diện rộng ở các tỉnh miền Bắc, rải rác ở các tỉnh Phía Nam với tổng diện tích nhiễm lên đến gần 50 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 3.326 ha. Đáng lưu ý là tại Ninh Bình có 5,2 ha và Hà Tĩnh có 0,3 ha thuộc diện bị mất trắng.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm trên toàn quốc hơn 52,3 ngàn ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh khô vằn*: Tổng diện tích nhiễm gần 35 ngàn ha, diện tích nhiễm nặng 637 ha. Bệnh xuất hiện tại rải rác tại các tỉnh miền Bắc và miền Nam.

- *Rầy nâu - rầy lưng trắng*: Gây nhiễm trên 21,5 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 291 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh bạc lá*: Tổng diện tích nhiễm gần 11 ngàn ha; diện tích nhiễm nặng chỉ 3,8 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Bắc bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đạo cổ bông*: Tổng diện tích nhiễm 10.665 ha, trong đó nặng 119 ha. Tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 8.175 ha, diện tích bị nặng 215 ha, tập trung tại một số tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh lùn sọc đen*: Gây hại diện hẹp trên lúa giai đoạn đẻ rộ - đứng cái trên địa bàn tỉnh Sơn La với diện tích nhiễm 5,5 ha,

- *Bệnh VL- LXL*: Hại diện hẹp tại Đồng Tháp trên diện tích 10 ha,

- *Bệnh đốm nâu- nghệt rễ*: Tổng diện tích nhiễm 3.140 ha. Bệnh xuất hiện chủ yếu tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, rải rác trên địa bàn khác thuộc Bắc bộ và miền Trung.

- *Chuột*: Tổng diện tích bị hại trên 11 ngàn ha, địa bàn gây hại rải rác trên toàn quốc, trong đó diện tích bị hại nặng 380 ha.

- *OBV*: Tổng diện tích hại 11.252 ha, tăng so với cùng kỳ năm trước, hại nặng 238 ha; xuất hiện rải rác tại địa bàn Bắc bộ và các tỉnh phía Nam.

- Ngoài ra, còn có sâu năn, nhện gié, sâu đục thân,...gây hại trên diện hẹp, mức độ nhẹ, rải rác ở các tỉnh thuộc miền Bắc và Miền Nam

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI, VII/2015

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng V, VI, VII năm 2015 cho thấy, nhiệt độ có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích thuộc vùng núi cao Đông Bắc Bộ, Thừa Thiên Huế và Phú Yên với xác suất từ 55 đến 77%. Nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ -0,5 đến 0,5°C trên phạm vi cả nước.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở Cao Bằng, Đắk Nông, Bình Phước và Sóc Trăng với xác suất khoảng 66 đến 77%. Lượng mưa có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích cả nước với xác suất khoảng 55 đến trên 77%. Chuẩn sai của lượng mưa trên đa phần diện tích cả nước dao động từ -200 đến 200mm; riêng một phần diện tích thuộc Cao Bằng, Đắk Nông và Bình Phước có thể có chuẩn sai dao động từ -400 đến -200mm.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Theo kết quả thống kê trung bình mùa 3 tháng V, VI, VII thời kỳ 1971 – 2000, có khoảng 4 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Kết quả dự báo của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI) cho rằng: số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong mùa bão năm 2015 (từ tháng VII- X) có khả năng vượt chuẩn với xác suất khoảng 45%. Trung bình, số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong mùa 3 tháng V, VI, VII của thời kỳ 1971 - 2000 khoảng 4 đợt, đa số chúng không ảnh hưởng lớn đến thời tiết, khí hậu nước ta.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IV và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng V/2015 và dự báo khí hậu 3 tháng V, VI và VII/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Với dự báo nắng nóng gia tăng, lượng mưa dao động, cần có các biện pháp đảm bảo nước cho nông nghiệp, đặc biệt ở những nơi dự báo lượng mưa hụt chuẩn như Cao Bằng, Đắk Nông, Bình Phước và Sóc Trăng.

- Nhiều địa phương đã phát hiện bệnh lùn sọc đen, bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá trên lúa và có nguy cơ lây lan trên diện rộng rất cao. Ngoài ra, các loại sâu bệnh, dịch hại truyền thống như rầy các loại, sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn, chuột, ốc bươu vàng đang có chiều hướng tăng nhanh nên cần tăng cường các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

2. Miền Nam:

- Tích cực phòng chống hạn, chống xâm nhập mặn trong điều kiện nắng nóng gay gắt để bảo vệ lúa hè thu vừa gieo cấy.

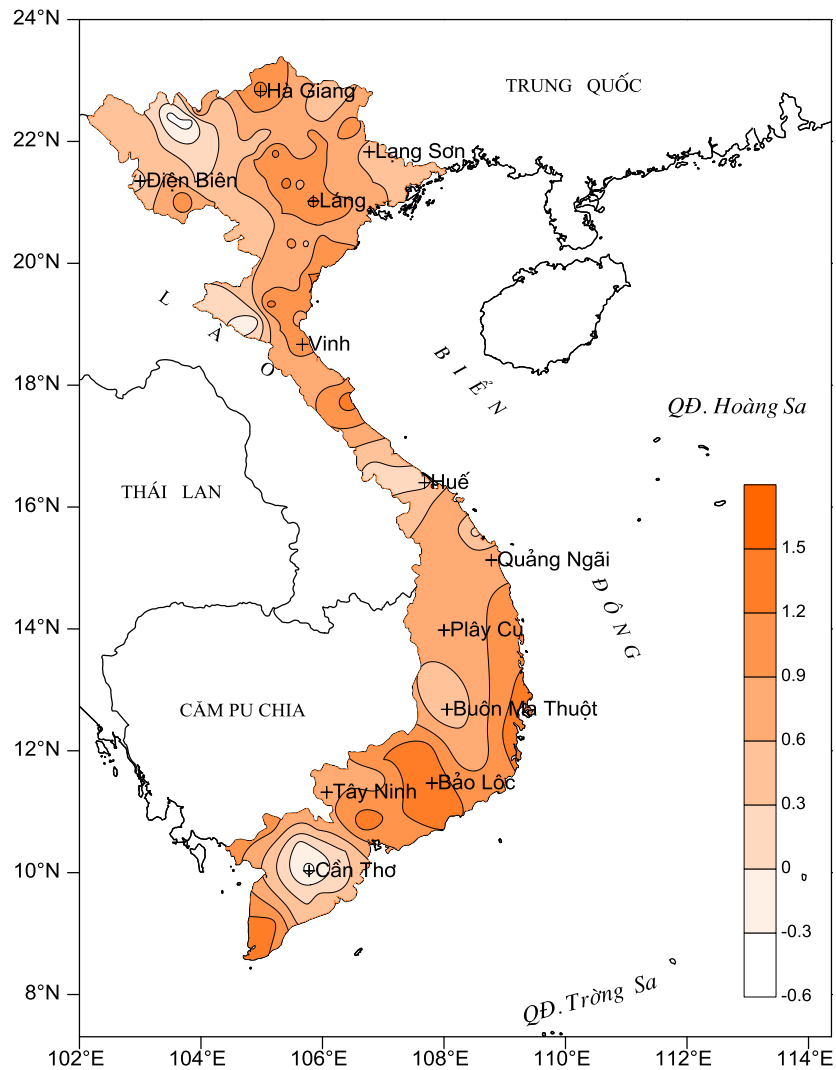
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa hè thu và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

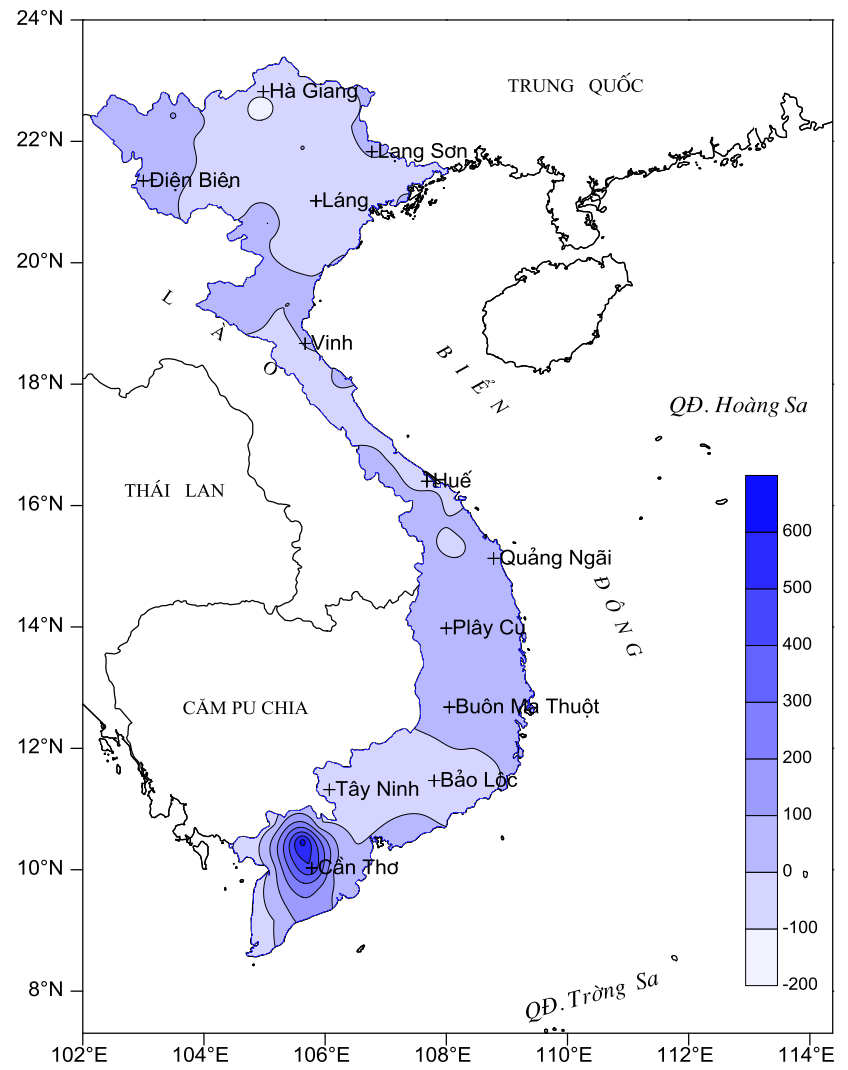
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng V, VI, VII năm 2015;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng V năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;

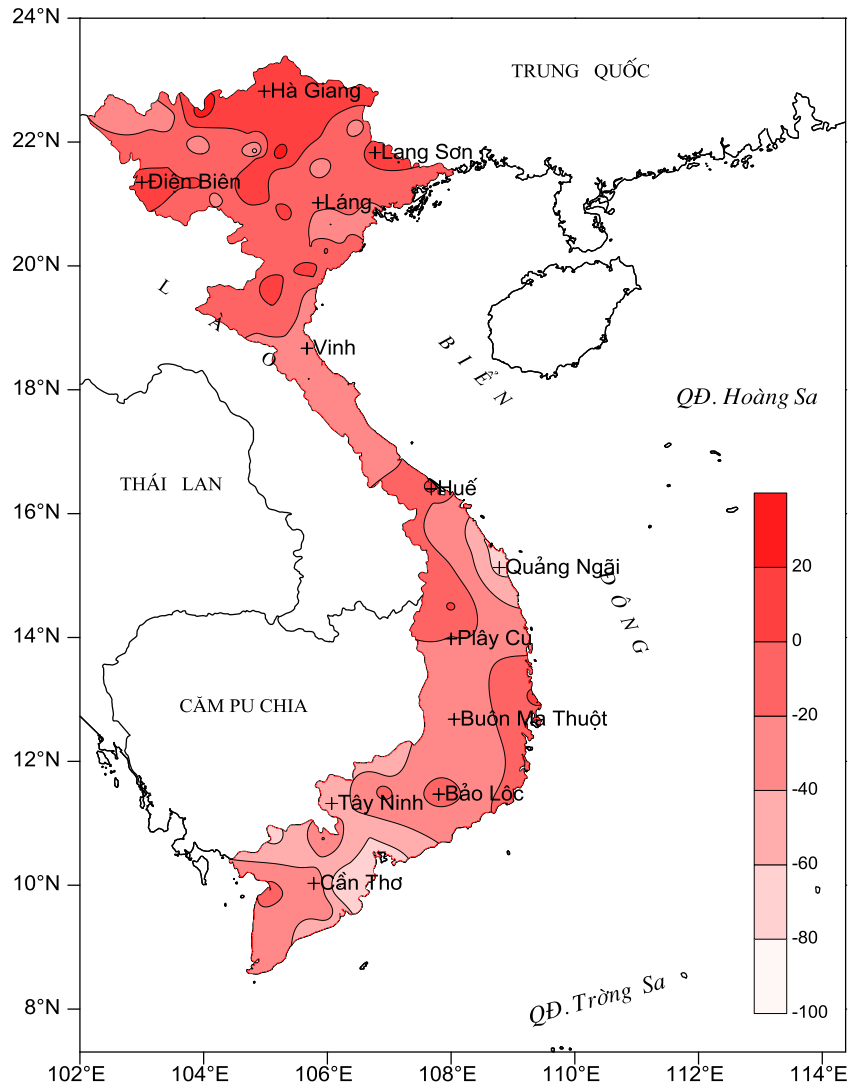
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IV năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



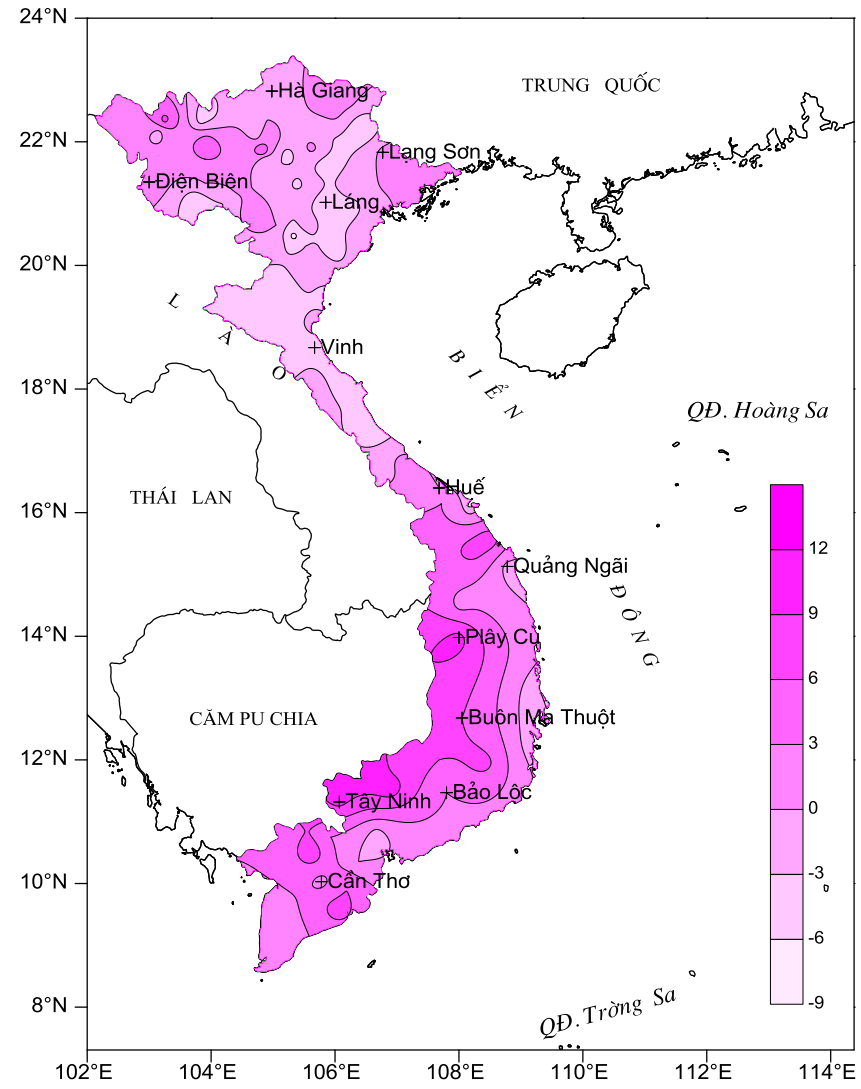
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IV/2015 so với TBNN (°C)



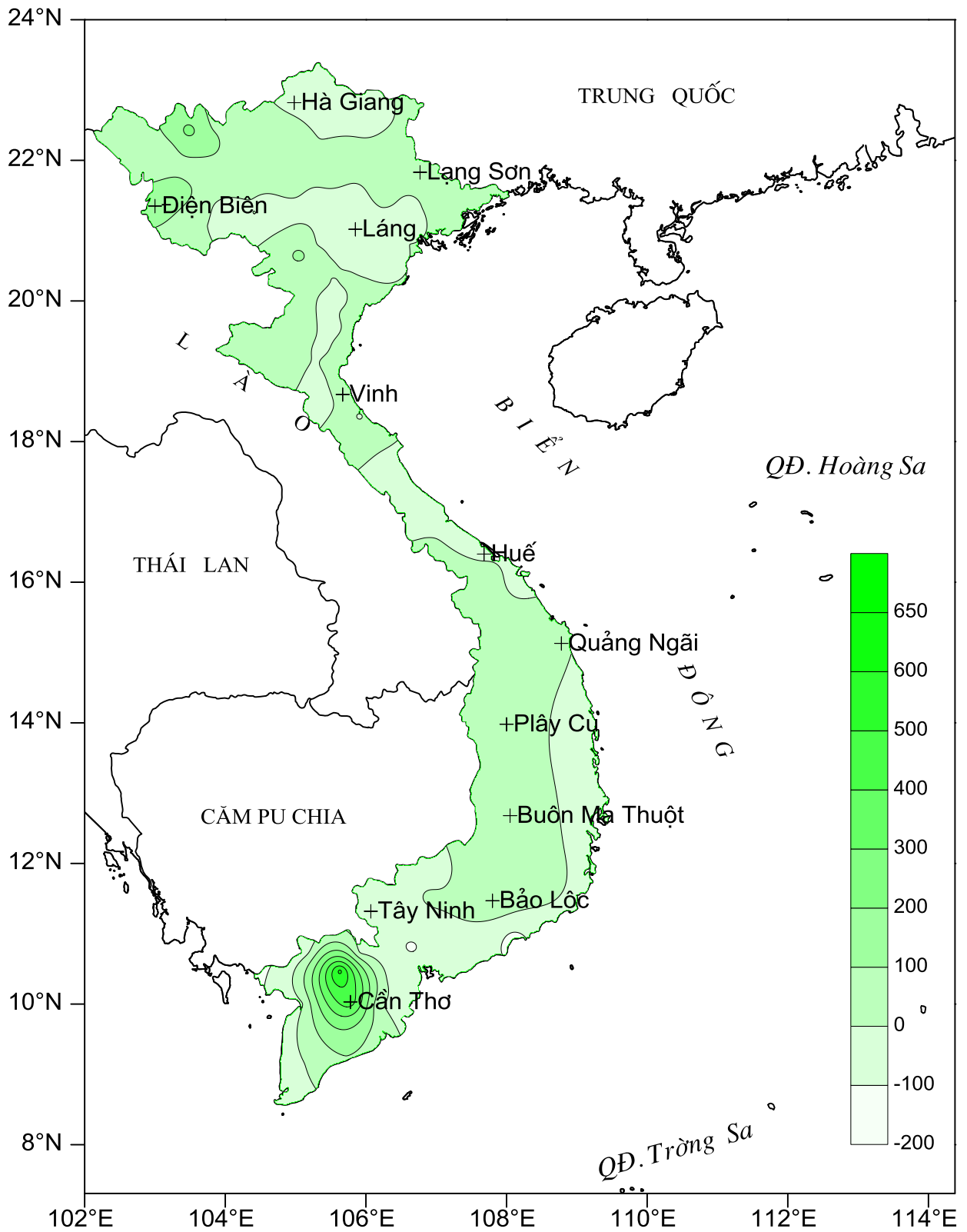
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IV/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IV/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IV/2015 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IV/2015 (mm)